

Bản án số: 353/2018/DS-ST

Ngày: 31-7-2018.

V/v tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;

2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

Thư ký Tòa án: Ông Chiêm Tiền Quý Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 – Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Yên Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 316/2017/TLST-DSST ngày 02 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2018/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V ; địa chỉ trụ sở: số 89 Láng Hạ, phường L, quận Đ, Thành phố H; Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 3088/2017/UQ-VPB ngày 20/7/2017) - (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh P, sinh năm 1977; địa chỉ: 455/8 Lê Văn Lương, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 30/5/2013, ông Huỳnh Thanh P có làm Đơn đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VB gửi đến Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng). Tiếp đến, ngày 02/7/2013, ông Huỳnh Thanh P có gửi đến Giấy đề nghị vay vốn. Vì vậy, đến ngày 24/7/2013 giữa Ngân hàng và ông Huỳnh Thanh P ký kết “Hợp đồng tín

dụng số HCM/13/2339/HĐTD/UPL”, theo đó Ngân hàng cho ông P vay số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay tiêu dùng. Ngày 07/6/2013, Ngân hàng ký với ông P “Hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-942403 (căn cứ vào Đơn đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VB ngày 30/5/2013), hạn mức 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P đã thanh toán được nợ gốc là 2.288.866đ (hai triệu hai trăm tám mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi sáu đồng) và tiền lãi là 1.211.134đ (một triệu hai trăm mười một ngàn một trăm ba mươi tư đồng) theo Hợp đồng tín dụng số HCM/13/2339/HĐTD/UPL; và đã thanh toán được 735.000đ (bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng), thanh toán nợ lãi là 1.765.000đ (một triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-942403. Tổng số tiền mà ông P đã thanh toán cho 02 Hợp đồng này là 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Tính đến ngày 31/7/2018, ông P còn nợ lại Ngân hàng như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số HCM/13/2339/HĐTD/UPL: nợ gốc là 32.711.134đ (ba mươi hai triệu bảy trăm mười một ngàn một trăm ba mươi tư đồng), nợ lãi là 42.523.017đ (bốn mươi hai triệu năm trăm hai mươi ba ngàn không trăm mười bảy đồng)

- Đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-942403: nợ gốc là 29.665.000đ (hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi lăm đồng), nợ lãi là 65.200.753đ (sáu mươi lăm triệu hai trăm ngàn bảy trăm năm mươi ba đồng).

Tổng số tiền mà ông P còn nợ Ngân hàng là 170.099.904đ (một trăm bảy mươi triệu không trăm chín mươi chín ngàn chín trăm lẻ bốn đồng).

Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 buộc ông Huỳnh Thanh P phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 31/7/2018 là 170.099.904đ (một trăm bảy mươi triệu không trăm chín mươi chín ngàn chín trăm lẻ bốn đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 01/8/2018, ông P vẫn còn phải thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất được quy định trong các Hợp đồng cho đến ngày trả nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 31/7/2018 và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn là ông Huỳnh Thanh P đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2018/QĐXXST-DS ngày 25/6/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2018/QĐST-HPT ngày 12/7/2018 nhưng ông P vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định về: thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Tuy nhiên, chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào lời trình bày và tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở cho rằng, Ngân hàng TMCP V (VB) - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh đã cấp tín dụng cho ông Huỳnh Thanh P theo hai hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số HCM/13/2339/HDTD/UPL (Theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 2/7/2013) giải ngân ngày 24/07/2013 số tiền vay 35.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay tiêu dùng và Hợp đồng thế tín dụng (HĐTTD) số 324-P-942403 mở ngày 07/06/2013 (Căn cứ vào đơn đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng VB ngày 30/5/2013), hạn mức 30.000.000 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số HCM/13/2339/HDTD/UPL: Kể từ ngày vay vốn đến nay ông P đã thanh toán một phần khoản nợ vay tại VB tổng cộng 3.500.000 đồng. Trong đó: thanh toán nợ gốc là: 2.288.866 đồng ; thanh toán nợ lãi là: 1.211.134 đồng.

Đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-942403: ông P đã sử dụng tổng số tiền là: 30.400.000 đồng. Số tiền ông P thanh toán được là 2.500.000 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc là 735.000 đồng, thanh toán nợ lãi là 1.765.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phía VB đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện nhưng ông P cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu ông P phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc còn lại và lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

Căn cứ Điều 471, 476 Bộ luật Dân sự 2005, căn cứ Điều 357, 468 BLDS 2015.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đề nghị HĐXX tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Về lệ phí đăng báo đài: bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn lệ phí đăng báo đài do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Huỳnh Thanh P phải trả số tiền còn nợ lại theo các Hợp đồng tín dụng số HCM/13/2339/HDTD/UPL và Hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-942403 của Ngân hàng TMCP V (VB) thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số HCM/13/2339/HDTD/UPL ngày 24/7/2013 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 324-P-942403 ngày 07/6/2013 thì bị đơn là ông Huỳnh Thanh P có địa chỉ cư ngụ tại số 455/8 Lê Văn Lương, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào kết quả trả lời cung cấp chứng cứ của Công an phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh: ông Huỳnh Thanh P không còn cư ngụ tại địa chỉ trên, đi đâu không rõ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại

khoản 1, khoản 3 Điều 192 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng năm 2015.

2. Về hình thức:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là ông Huỳnh Thanh P mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ để đề cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số HCM/13/2339/HDTD/UPL ngày 24/7/2013 và Hợp đồng thế tín dụng số 324-P-942403 ngày 07/6/2013 giữa Ngân hàng TMCP V VB và bị đơn ông Huỳnh Thanh P cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở để kết luận Ngân hàng TMCP V VB có cho ông P vay số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) lãi suất 19%/năm để tiêu dùng cá nhân và cấp cho ông P 01 thẻ tín dụng hạn mức 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Căn cứ vào Bảng thống kê quá trình thanh toán thì ông P đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng), trong đó: nợ gốc là 2.288.866đ (hai triệu hai trăm tám mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi sáu đồng) và tiền lãi là 1.211.134đ (một triệu hai trăm mười một ngàn một trăm ba mươi tư đồng) theo Hợp đồng tín dụng số HCM/13/2339/HDTD/UPL; và đã thanh toán được 735.000đ (bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng), thanh toán nợ lãi là 1.765.000đ (một triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) theo Hợp đồng thế tín dụng số 324-P-942403. Như vậy, ông P còn nợ lại tính đến ngày 31/7/2018 là 170.099.904đ (một trăm bảy mươi triệu không trăm chín mươi chín ngàn chín trăm lẻ bốn đồng), trong đó bao gồm nợ gốc là 32.711.134đ (ba mươi hai triệu bảy trăm mười một ngàn một trăm ba mươi tư đồng), nợ lãi là 42.523.017đ (bốn mươi hai triệu năm trăm hai mươi ba ngàn không trăm mười bảy đồng) của Hợp đồng tín dụng số HCM/13/2339/HDTD/UPL và nợ gốc là 29.665.000đ (hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi lăm đồng), nợ lãi là 65.200.753đ (sáu mươi lăm triệu hai trăm ngàn bảy trăm năm mươi ba đồng) của Hợp đồng thế tín dụng số 324-P-94240.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Huỳnh Thanh P phải thanh toán số

tiền còn nợ lại tính đến ngày 31/7/2018 là 170.099.904đ (một trăm bảy mươi triệu không trăm chín mươi chín ngàn chín trăm lẻ bốn đồng).

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày 01/8/2018, bị đơn là ông Huỳnh Thanh P còn phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số HCM/13/2339/HDTD/UPL ngày 24/7/2013 và Hợp đồng thế tín dụng số 324-P-942403 ngày 07/6/2013 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán theo quy định của Luật phí, lệ phí Tòa án.

5. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại khoản 1 Điều 180 Bộ Luật tố tụng dân sự: ông Huỳnh Thanh P phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Do nguyên đơn đã tạm nộp số tiền lệ phí trên theo Giấy biên nhận ngày 18/4/2018 của Báo Pháp luật Việt Nam là 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm ngàn đồng) và Hóa đơn bán hàng số 0067332 ngày 18/4/2014 của Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam là 825.000đ (tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) nên bị đơn là ông Huỳnh Thanh P có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.225.000đ (ba triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng vào Điều 471 Bộ Luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Áp dụng khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005;

- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Về hình thức: xét xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng TMCP V VB và bị đơn là ông Huỳnh Thanh P

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V VB

- Buộc ông Huỳnh Thanh P phải trả cho Ngân hàng TMCP V VB số tiền 170.099.904đ (một trăm bảy mươi triệu không trăm chín mươi chín ngàn chín trăm lẻ bốn đồng).

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, kể từ ngày 01/8/2018, ông Huỳnh Thanh P còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V VB tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số HCM/13/2339/HDTD/UPL ngày 24/7/2013 và Hợp đồng thế tín dụng số 324-P-942403 ngày 07/6/2013 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Thanh P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.504.995đ (tám triệu năm trăm lẻ bốn ngàn chín trăm chín mươi lăm đồng).

Ngân hàng TMCP V VB không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.613.970đ (ba triệu sáu trăm mười ba ngàn chín trăm bảy mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0024538 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng TMCP V VB.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:

Buộc ông Huỳnh Thanh P phải trả lại cho Ngân hàng TMCP V VB tiền lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.225.000đ (ba triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng), trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (Tk: Nhân).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phương